

# CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 VỚI VẤN ĐỀ KHẲNG ĐỊNH VÀ XÁC LẬP CHỦ QUYỀN QUỐC GIA, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

GS, TS PHẠM HỒNG TUNG

Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận:

14-6-2024

Ngày thẩm định, đánh giá:

26-6-2024

Ngày duyệt đăng:

30-7-2024

**Tóm tắt:** Ngày 2-9-1945, tại Hà Nội, thay mặt cho Chính phủ làm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, đánh dấu sự ra đời của một nước Việt Nam mới: độc lập tự do, theo chính thể cộng hòa dân chủ (Democratic Republic). Ở thời khắc đó, nước Việt Nam có cương vực như thế nào? Chủ quyền và nền độc lập, thống nhất của quốc gia đó được chính đáng hóa (legitimize) ra sao? Đó là những vấn đề trọng đại đeo vương mện của quốc gia - dân tộc, là cơ sở pháp lý quốc tế, là cốt lõi của ý thức dân tộc và niềm tin chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong cuộc trường chinh hơn 30 năm tới thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước (1975). Bài viết gợi ra những cách tiếp cận mang tính đa chiều, liên ngành và những hệ luận mới cho những vấn đề nêu trên.

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các thế hệ người Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XIX cho tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không chỉ là cuộc đấu tranh khôi phục nền độc lập, chủ quyền quốc gia, mà còn là cuộc đấu tranh để khôi phục khôi đoàn kết dân tộc, nền thống nhất đất nước, bảo toàn cương vực quốc gia, đồng thời cũng là cuộc đấu tranh giải phóng con người, giải phóng xã hội

để thành lập một quốc gia - dân tộc Việt Nam mới, trên tầm cao mới, với bản thể và nền tảng mới.

## 1. Một số cách hình dung về nước Việt Nam mới của các tổ chức và phong trào yêu nước trước Chiến tranh thế giới II

Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chọn lựa luận đề sau đây của V.I. Lénin để đề tựa cho cuốn sách *Đường Kách mệnh* (1927): “Không có lý



Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội, ngày 2-9-1945 (Ảnh: ditichhochiminhpchuchutich.gov.vn)

luận kách mệnh, thì không có kách mệnh vận động”<sup>1</sup>. Lý luận cách mạng là ngọn cờ tư tưởng chính trị, là cương lĩnh của đảng, chỉ ra mục tiêu, phương pháp, chiến lược và sách lược, quyết định toàn bộ vận mệnh của cuộc cách mạng.

Trong phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam thời cận đại, không phải khi nào đảng cách mạng cũng xác lập được tương đối rõ ràng mục đích của cuộc cách mạng, tức là sẽ xây dựng một nước Việt Nam trong tương lai như thế nào. Đó không chỉ là một nước độc lập, mà phải là một nước theo chế độ chính trị gì (quân chủ, quân chủ lập hiến, cộng hòa, cộng hòa dân chủ hay đế chế, đế quốc), cương vực đến đâu, thống nhất như thế nào, vai trò, vị thế của các chính đảng, của các giai cấp, tầng lớp, tộc người, giới tính, tôn giáo v.v.. trong đất nước sẽ ra sao? Vị thế của nước Việt Nam mới trên trường quốc tế sẽ như thế nào? v.v..

Phong trào vũ trang kháng Pháp cuối thế kỷ XIX mà đỉnh cao nhất - cũng là nỗ lực cuối cùng chính là *Phong trào Càn Vương*. Lãnh đạo phong trào này là các văn thân, sĩ phu, túc là tầng lớp tinh hoa truyền thống, không đưa ra được một mục tiêu nào mới cho cuộc đấu tranh quật cường của họ. Với họ, đơn giản chỉ là đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục chủ quyền, cương vực, vị thế quốc gia như trước khi người Pháp đến, tức là khôi phục nước Việt Nam quân chủ tập quyền, thống nhất như dưới thời vua Tự Đức. Dưới chế độ như vậy, hy vọng tốt cùng của dân tộc chỉ có thể trông đợi vào sự xuất hiện của “chúa thánh, tôi hiền”. Sự bê tắc này cũng chính là một trong những nguyên nhân sâu xa, cơ bản nhất dẫn đến thất bại của Phong trào Càn Vương nói riêng và của toàn bộ cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam trong nửa sau thế kỷ XIX nói chung.

Phong trào Duy Tân là bước phát triển mới của phong trào yêu nước Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Hiểu theo nghĩa rộng, phong trào này bao gồm cả phong trào Duy Tân, cải cách, thực nghiệp, Nghĩa Thục và Đông Du, với tuyệt đại đa số các thủ lĩnh là trí thức Nho học cấp tiến, tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Dù khác nhau trong một số vấn đề sách lược, như chọn duy tân trước hay bạo động trước, thì toàn bộ phong trào thống nhất với nhau ở mục tiêu duy tân đất nước. Tức là, dứt khoát không quay lại chế độ quân chủ và mô hình tổ chức cai trị đất nước như trước năm 1884 của triều Nguyễn, mà nhất định phải đổi mới chế độ, tổ chức lại và phát triển đất nước theo hướng duy tân, hiện đại hóa. Người soạn thảo và công bố “cương lĩnh” cho toàn bộ phong trào Duy Tân chính là Phan Bội Châu, với tác phẩm *Tân Việt Nam*<sup>2</sup>.

Một điều cần lưu ý trước tiên là: trong tư tưởng của Phan Bội Châu và các nhà lãnh đạo của phong trào Duy Tân, sau khi khôi phục được độc lập và tiến hành duy tân thành công, đất nước ta phải là nước Việt Nam duy nhất và thống nhất. Đây chính là sự phủ nhận trực tiếp, dứt khoát và triệt để với cái trật tự mà thực dân Pháp đặt ra: Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ trong Liên bang Đông Dương. Riêng đối với Phan Bội Châu tư tưởng này là hoàn toàn nhất quán, từ tài liệu tuyên truyền đầu tiên như: *Việt Nam vong quốc sứ*, cho tới *Tân Việt Nam*, *Việt Nam quốc sứ khảo...* Trong thực tiễn, các thủ lĩnh của phong trào Duy Tân cũng luôn luôn xác định phạm vi vận động của mình là trong cương vực của nước Việt Nam như trước năm 1858, hầu như không bao giờ giới hạn trong một “kỳ” nào, hoặc đặt ra phạm vi cho toàn cõi Đông Dương. Ngay cả khi các thủ lĩnh này đặt phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam trong một số hệ luận “liên Á” (pan-asianism), như “đồng văn, đồng chủng, đồng chau”, “đồng bệnh tương liên” hay thậm chí cả khi cố gắng liên minh với Phổ (Đức) để đánh

Pháp, thì cũng lấy tư cách một thực thể quốc gia Việt Nam để liên minh, đoàn kết.

Trong cuốn *Tân Việt Nam* được Phan Bội Châu viết vào cuối năm 1906, đầu năm 1907, “Nước Việt Nam mới” theo hình dung của Phan Bội Châu phải là một nước độc lập, thống nhất và đã duy tân thành công, tức là đã hiện đại hóa. Về chế độ chính trị, đó phải là một nước Việt Nam tôn trọng, thượng tôn dân quyền. Phan Bội Châu viết: “Sau khi đã duy tân rồi, thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt; vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ”<sup>3</sup>. Khi đó, nhân dân sẽ quyết định “trên là vua nên đế hay nên truất”. Như vậy, ngay từ thời điểm 1906-1907, Phan Bội Châu đã thoát ly khỏi tư tưởng quân chủ, kể cả tư tưởng về chế độ quân chủ lập hiến và khẳng định thế chế cộng hòa dân chủ chính là thế chế chính trị của “nước Việt Nam mới”.

Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Darwin xã hội (social Darwinism) - luồng tư tưởng có ảnh hưởng mạnh mẽ tới toàn bộ phong trào cải cách ở Đông Á hồi cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, lại cũng có thể còn chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của tư duy đế chế trong nền chính trị quân chủ Việt Nam truyền thống, cho nên Phan Bội Châu đã hình dung rằng, nước “Việt Nam mới” phải là một trong những đế chế hùng mạnh nhất của địa cầu. Phan Bội Châu viết: “Ta đi buôn mạnh hơn con cọp, hơn cá kình, thi trong thế giới nước nào cũng nuốt được”<sup>4</sup>; Khi đó, “Châu Âu, Châu Mỹ, các nước Nhật, Mỹ, Đức, Anh đều liên kết với nước ta làm nước đồng minh bậc nhất. Các nước Xiêm La, Ấn Độ và các nước ở quần đảo Nam Dương, đều tôn [nước ta] là nước minh chủ... Nước thù địch của ta là nước Pháp cũng sợ ta, nghe theo ta, xin ta bảo hộ cho. Cờ nước ta phát phói ở trên thành Paris, và sắc nước ta chói rạng ở trong địa cầu, đến lúc ấy người nước ta chỉ sợ không rành mà bảo hộ cho nước khác”<sup>5</sup>.

Từ sau thế hệ các nhà Nho yêu nước và cấp tiến, hầu hết các tổ chức yêu nước và cách mạng đều tự định vị chiến lược, sách lược của mình trong khuôn khổ Việt Nam, đồng thời coi việc khôi phục độc lập dân tộc gắn liền với việc thành lập một nước Việt Nam mới theo thế chế cộng hòa, thống nhất và duy nhất, trong phạm vi cương vực của nước Việt Nam như trước năm 1858. Việt Nam Quang phục hội do Cường Đài và Phan Bội Châu lãnh đạo từ năm 1912, hay Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên do Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1925 và cả Hội Phục Việt (1925) và Việt Nam Quốc dân Đảng (1927) cũng đều có chung một ý chí như vậy, tuy họ có thể khác nhau về nền tảng ý thức hệ hoặc có những lựa chọn chiến lược và sách lược chính trị khác nhau.

Tổ chức chính trị có ảnh hưởng đáng kể ở Nam Kỳ, nơi tụ hội những phần tử tự cho là “thượng lưu bần xứ” là Đảng Lập hiến Đông Dương thì lại có lựa chọn chính trị khác. Tên chính thức của đảng này được công bố năm 1917 chỉ là “Đảng Lập hiến” (Parti Constitutionnaliste), nhưng từ sau năm 1925 thì đổi thành “Đảng Lập hiến Đông Dương” (Parti Constitutionnaliste Indochinois). Thực tế cho thấy, đảng này chỉ giới hạn những quan tâm chính trị của mình chủ yếu ở Nam Kỳ chứ không phải là trên toàn bộ ba kỳ hoặc trên toàn cõi Đông Dương. Chắc chắn, họ không bao giờ nêu ra mục tiêu chính trị của mình là đấu tranh khôi phục độc lập và thống nhất của quốc gia Việt Nam. Ngay cả đối với xứ Nam Kỳ, cái mà họ đòi hỏi nhiều nhất là những quyền lợi gắn với lợi ích của nhóm thượng lưu ở xứ đó mà thôi.

Một thực tế rất đáng lưu ý là sự dao động, “chóng chênh” của các tổ chức, các chính đảng xuất hiện trong phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam trong những năm 1927-1939. Trước hết là Việt Nam Quốc dân Đảng (VNQĐD). Đảng này ngay khi thành lập đã xác định là một

tổ chức chính trị của người Việt Nam, cho dù chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn và mang tên gọi thể hiện sự tương đồng về chính trị với Quốc dân Đảng Trung Quốc, nhưng VNQĐD hầu như không có mối liên hệ nào với Quốc dân Đảng Trung Quốc. Chỉ đến sau khi Khởi nghĩa Yên Bái thất bại, một số nhóm đảng viên của VNQĐD chạy sang Trung Quốc mong muốn nương nhờ sự giúp đỡ của Quốc dân Đảng Trung Quốc thì họ mới thiết lập mối quan hệ hợp tác ít nhiều chặt chẽ. Tuy xác định tiền hành cuộc cách mạng ở Việt Nam nhằm lập nên nhà nước quốc gia Việt Nam theo chế độ cộng hòa, VNQĐD cũng lại xác định “trước làm cách mạng quốc gia, sau làm cách mạng thế giới”, cho dù đội ngũ lãnh đạo của đảng chưa bao giờ thống nhất được với nhau trong cách lý giải về phương châm chính trị này<sup>6</sup>.

Những người cộng sản và tổ chức cộng sản đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam. Tổ chức cộng sản đầu tiên lập ra vào tháng 6-1929 ở Bắc Kỳ, đó là “Đông Dương Cộng sản Đảng”<sup>7</sup>. Tổ chức cộng sản thứ hai ra đời tháng 11-1929 tại Nam Kỳ, có tên là “An Nam Cộng sản Đảng”<sup>8</sup>. Tổ chức cộng sản thứ ba ra đời vào ngày 31-12-1929 tại Trung Kỳ, là “Đông Dương Cộng sản Liên đoàn”<sup>9</sup>. Đáng chú ý là trong ba tổ chức tiền thân của Đảng không có tổ chức nào có tên gọi gắn với danh xưng “Việt Nam”. Việc có đến hai trong số ba tổ chức đó có tên gọi gắn với thực thể “Đông Dương” cho thấy yếu tố quốc tế đã bước đầu phát huy tác động trong tư duy chiến lược của những người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

Đến Hội nghị thành lập Đảng mùa Xuân năm 1930, thống nhất các tổ chức nói trên, theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, tên của Đảng được xác định là “Đảng Cộng sản Việt Nam”<sup>10</sup>. Chính cương văn tắt của Đảng ghi rõ: “Về phương diện chính trị: a) Dánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp

và bọn phong kiến; b) *Làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập*; c) Dựng ra Chính phủ công nông binh; d) Tổ chức ra quân đội công nông”<sup>11</sup>. Tuy ngắn gọn, nhưng rất rõ ràng. Tên gọi và *Chánh cương của Đảng* đã cho thấy rất rõ việc Đảng xác định phạm vi và khuôn khổ của cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo là *cách mạng Việt Nam*, hướng tới mục tiêu cao nhất trong giai đoạn I là thành lập một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, với cương vực tương tự như nước Việt Nam trước tháng 9-1858, một nhà nước theo chế độ cộng hòa, dân chủ mới của “công nông binh”.

Tên Đảng cùng với *Chánh cương của Đảng* chỉ tồn tại được khoảng 10 tháng. HNTU Đảng tháng 10-1930 quyết định: “Bó tên Việt Nam Cộng sản Đảng” mà lấy tên “Đông Dương Cộng sản Đảng” và “Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ cũ của Đảng”<sup>12</sup>. Hội nghị cho rằng “Gọi tên là “Việt Nam C.S Đảng” thì không gồm được Cao Miên và Lào, mà để vô sản giai cấp hai xứ ấy ra ngoài phạm vi đảng là không đúng; vì vô sản An Nam, Cao Miên và Lào tuy tiếng nói phong tục và nòi giống khác nhau, nhưng về mặt chánh trị và kinh tế thì cần phải liên lạc mật thiết với nhau”<sup>13</sup>.

Những tư tưởng trên đây là hoàn toàn phù hợp với quan điểm và sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, và chính là xuất phát từ Quốc tế Cộng sản<sup>14</sup>. Kể từ đó cho tới HNTU tháng 5-1941, trên nguyên tắc Đảng luôn luôn trung thành với sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, và về danh nghĩa, luôn đặt cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo trong khuôn khổ “Đông Dương”. Nhưng qua tất cả các thời kỳ, lúc phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, hay lúc lâm vào tình thế thoái trào, khủng hoảng, thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức vận động cách mạng của Đảng chủ yếu xuất phát từ thực tế Việt Nam và vì phong trào cách mạng Việt Nam. Vấn đề “Đông Dương” trên thực tế chỉ là danh nghĩa mà thôi.

Vấn đề chọn “Việt Nam” hay “Đông Dương” cho khuôn khổ và hệ luận chiến lược không chỉ đặt ra như một nan đề cho những cá nhân và tổ chức yêu nước và cách mạng, tức là những lực lượng đổi mới tuyệt đối với chế độ thực dân Pháp. Ngay cả đối với những phần tử hợp tác trung thành với thực dân Pháp, chế độ thuộc địa của người Pháp cũng đẩy họ đến một cuộc khung hoàng tràn trọng về bản thể (identity) và định hướng chính trị. Lời kêu than của Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong năm 1931 là một minh chứng điển hình. Trong bức thư gửi Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Paul Reynaud, Phạm Quỳnh viết: “Về phương diện quốc gia thì sự khủng hoảng ấy có thể tóm lại một câu như sau này: *chúng tôi là một dân tộc đương di tìm tổ quốc mà chưa thấy tổ quốc ở đâu*”<sup>15</sup>. Ông cũng lập luận rằng: “Người An Nam không thể coi nước Pháp là tổ quốc được, vì trước đó đã có tổ quốc của mình rồi. Mà cái tổ quốc đó nước Pháp có thể vì chúng tôi khôi phục lại được, là ban cho chúng tôi một cái hiến pháp thế nào cho cái quan niệm quốc gia của chúng tôi phát triển [triển] ra, cho chúng cũng có cái đòi hỏi làm nước xứng đáng ở ngay trong cái phạm vi Đế quốc của Đại Pháp”<sup>16</sup>. Và Phạm Quỳnh, sau những lời biện bác cao siêu, đã không ngần ngại nhắc lại lời van xin thống thiết của “bọn thượng lưu trí thức” mà ông ta đại diện: “chúng tôi chỉ thịnh cầu quan lớn có một điều, một điều rất là thiết tha, quan hệ hơn cả các điều khác, là *xin ngài cho chúng tôi một cái tổ quốc để chúng tôi thở*”<sup>17</sup>.

## 2. Tinh thần dân tộc hồi sinh mạnh mẽ và sự ra đời của nước Việt Nam mới

Ngay khi cuộc Chiến tranh thế giới II vừa bùng nổ ở châu Âu, nhiều chiến sĩ yêu nước và cách mạng ở Việt Nam và ở một số nước Đông Nam Á khác, như: Campuchia, Indonesia, Myanmar,... đã cùng có một dự cảm chính trị, rằng cơ hội giải

phóng cho các dân tộc bị áp bức đang đến gần, và cần phải chuẩn bị tích cực để chớp lấy thời cơ.

Ngay từ tháng 2-1939, sau khi Nhật Bản dâng mạnh cuộc xâm lăng ở Đông Á thì hoàng thân Cường Đô đã đến Thượng Hải tìm cách liên lạc với những đồng chí của ông và ngày 12-3-1939 họ đã thành lập Việt Nam Phục Quốc Đồng minh Hội<sup>18</sup>, “một tổ chức đoàn thể bao hàm tất cả các đảng ở trong và ngoài có mục đích chung là lật đổ quyền bảo hộ của Pháp mà khôi phục độc lập cho tổ quốc”; “chi láy sự phục quốc làm mục đích chung, chứ không kể đến vấn đề chủ nghĩa”<sup>19</sup>. Như vậy, Cường Đô đã tiếp nối liên mạch con đường mà Phan Bội Châu đã vạch ra cho phong trào yêu nước Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, “điều mới mẻ” mà Cường Đô và Phục Quốc đem lại là đặt cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của người Việt Nam vào trong cuộc chiến tranh xâm lược “Đại Đông Á” của phát xít Nhật, công tác trung thành và lệ thuộc hoàn toàn vào phát xít Nhật. Đây chính là yếu tố cội nguồn khiến cho Cường Đô và Phục Quốc về sau bị thất bại và bị chính người Nhật loại bỏ khỏi vũ đài chính trị trong những thời khắc quan trọng nhất.

Ở trong nước, Đảng Cộng sản Đông Dương chính là tổ chức đã sớm đưa ra nhận định vào cuối tháng 9-1939, rằng: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”<sup>20</sup>. Đó là cơ sở để HNTU tháng 11-1939 của Đảng khẳng định chắc chắn hơn: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hon là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập”<sup>21</sup>. Như vậy, ở thời điểm cuối năm 1939, phương hướng tiến tới cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của cách mạng đã khá rõ. Nhưng cách mạng sẽ được diễn ra trong khuôn khổ nào? Mục đích của cách mạng, nhất là mô hình nhà nước, tổ chức xã hội và phương hướng phát triển thì chưa rõ

ràng, cụ thể. Đến HNTU tháng 5-1941 thì những vấn đề cơ bản, nhất là mục tiêu của cách mạng Việt Nam, mới được xác định rõ ràng và chắc chắn, dựa vào những nguyên tắc chính trị và chiến lược cách mạng được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh xác lập từ Hội nghị thành lập Đảng (mùa Xuân năm 1930). Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định: “cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”<sup>22</sup>. Và quan trọng hơn, Đảng quyết định dứt khoát đặt cuộc cách mạng trong khuôn khổ của từng dân tộc trong Liên bang Đông Dương. Do là một trong những vấn đề chiến lược đặc biệt quan trọng nên nghị quyết của Hội nghị phải có một mục riêng nói về “vấn đề dân tộc”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử của Đảng vấn đề này được đặt ra một cách trực tiếp và được bàn luận rốt ráo<sup>23</sup>.

Về chính sách thống trị của thực dân Pháp, Hội nghị nhân định: “Đối với nước Việt Nam một dân tộc, một lịch sử, một văn hóa, một tinh sinh hoạt như nhau, thế mà chúng chia ra làm ba kỳ, dùng ba lối cai trị khác nhau rồi gây mối thù hằn cừu thi ở các xứ đó. Làm cho sự đoàn kết giữa các dân tộc ngày càng khó khăn”<sup>24</sup>. Đây là lần đầu tiên một tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam phân tích và lên án gay gắt chính sách “chia đẻ trị” của thực dân Pháp như vậy. Hội nghị cũng lên án việc thực dân Pháp ly gián, chia rẽ và khơi sâu thêm những sự phân biệt, ác cảm giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc Lào và Cao Miên (Campuchia)<sup>25</sup>.

Trên cơ sở phân tích sâu sắc vấn đề dân tộc, Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định: “không phải Đảng ta thù tiêu vấn đề đấu tranh giai cấp trong cuộc cách mạng Đông Dương. Không! Vấn đề giai cấp đấu tranh vẫn tồn tại mãi. Nhưng trong giai đoạn hiện tại, quốc gia trên hết, thì tất thảy những yêu sách của bộ phận mà có hại đến quyền lợi của toàn thể, của giai cấp mà có hại đến quyền lợi của dân tộc, thì phải gác lại để giải quyết sau. Trong lúc này quyền

lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử tồn vong của quốc gia, của dân tộc”<sup>26</sup>.

Trên cơ sở giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, Đảng vạch ra phương hướng và xác lập nguyên tắc cho việc giải quyết vấn đề mối quan hệ giữa “Đông Dương” và “Việt Nam”, làm cơ sở cho việc xác định chiến lược cách mạng trong phạm vi từng dân tộc. Hội nghị nhận định: “Một điều thứ hai nữa là đã nói đến vấn đề dân tộc tức là đã nói đến sự tự do độc lập của mỗi dân tộc tùy the ý muốn của mỗi dân tộc. Nói như thế nghĩa là sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, ta phải thi hành đúng chính sách “dân tộc tự quyết” cho dân tộc Đông Dương. Các dân tộc sống trên cõi Đông Dương sẽ tùy the ý muốn, tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành một dân tộc quốc gia tùy ý”<sup>27</sup>. “Riêng dân tộc Việt Nam, một dân tộc đông và mạnh hơn hết ở Đông Dương, sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, còn ai là người dân sống trên đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phản nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy”<sup>28</sup>.

Trải qua quá trình tiếp thu, vận dụng lý luận Mác - Lenin, qua kiểm nghiệm thực tiễn, đặc biệt là với sự trở về và trực tiếp nắm giữ vị trí lãnh đạo tối cao của cách mạng Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, trước đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cách mạng trong bối cảnh Chiến tranh thế giới II, Đảng Cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh và nâng tầm lý luận về vấn đề dân tộc, nhà nước quốc gia - dân tộc lên tầm cao mới của thời đại.

Hội nghị đã quyết định thành lập *Việt Nam Độc lập Đồng Minh*, gọi tắt là *Việt Minh*<sup>29</sup>, là hình thức tổ chức mặt trận dân tộc thống nhất mới đáp ứng yêu cầu cuộc vận động cách mạng trong khuôn khổ nước Việt Nam. Đó chính là “một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết, làm sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong nhân dân (hơn hết là dân tộc Việt Nam)”<sup>30</sup>, “Việt Nam Độc lập Đồng Minh sẽ lấy ngọn cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu. Việt Nam Độc lập Đồng Minh có một bản chương trình đưa ra để hiệu triệu nhân dân...”<sup>31</sup>. Bản Chương trình của Việt Minh do HNTU tháng 5-1941 thông qua ghi rõ: “Sau khi đánh đuổi được đế quốc Pháp, Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa lây lá cờ đỏ ngôi sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc. Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”<sup>32</sup>. Như vậy, đến thời điểm tháng 5-1941, trong chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương, những yếu tố và nguyên tắc nền tảng quy định cương vực, thể chế, chủ quyền và sự thống nhất của một nước Việt Nam mới trong kỳ nguyên hậu thuộc địa, kỹ nguyên độc lập tự do đã được xác định rõ ràng, chắc chắn, dựa trên những nguyên tắc chính trị tiên bộ nhất của thời đại.

Trong quá trình lãnh đạo và chỉ đạo việc chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng lãnh đạo nhân dân chờ thời cơ giành chính quyền, Đảng Cộng sản Đông Dương và Hồ Chí Minh không ngừng tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh tư tưởng và chuẩn bị các yếu tố nền tảng, cốt yếu đối với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo những nguyên tắc đã được xác lập từ HNTU tháng 5-1941. Một bước tiến quan trọng là quyết định của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Khu giải phóng gồm địa bàn các tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang và Thái Nguyên vào tháng 6-1945, với “Thủ đô” là khu căn cứ Tân Trào. Chính quyền cách mạng cũng

bước đầu được xây dựng có hệ thống, thực hiện 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Các lực lượng vũ trang cách mạng cũng được thống nhất với tên gọi mới: *Việt Nam Giải phóng quân*...

Sự kiện quan trọng nhất trong quá trình chuẩn bị và xác lập những điều kiện và nền tảng cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính là cuộc Đại hội Quốc dân ở Tân Trào, ngày 16 và 17-8-1945. Là người thấu hiểu những nguyên tắc chính trị của nền dân chủ cộng hòa trên thế giới, đặc biệt là sự quan tâm chăm lo xây dựng, cung cố và phát huy cao độ vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, dù đang bị ốm rất nặng nhưng lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị cho sự kiện vô cùng quan trọng này. Võ Nguyên Giáp cho biết: Người “đã chỉ thị viết nhiều thư hỏa tốc, tung giao thông đặc biệt đi các hướng để thúc giục các đại biểu”<sup>33</sup>. Công việc này cũng được các cấp bộ đảng và các cơ sở Việt Minh đặc biệt quan tâm. Các đại biểu đại diện cho các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, vùng miền được giới thiệu, lựa chọn và được cơ sở Việt Minh cử giao liên đặc biệt dẫn đường về Khu Giải phóng. Mỗi nhóm đều có lộ trình riêng, vừa khẩn trương, đảm bảo bí mật, nhưng cũng rất phán chán, mang đến cho Đại hội hào khí dân tộc và ý chí kiên quyết vùng lên giải phóng dân tộc<sup>34</sup>.

Ngay sau khi Nhật Hoàng chính thức tuyên bố chấp nhận đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tình hình trong nước và quốc tế diễn biến hết sức

mau lẹ và phức tạp, Hồ Chí Minh quyết định: “Có thể còn thiếu một số đại biểu chưa về kịp cũng họp, nếu không thì không kịp được với tinh thần chung”<sup>35</sup>. Hơn 60 đại biểu đại diện cho các giới, các tầng lớp nhân dân yêu nước từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và kiều bào ở nước ngoài, tượng trưng cho khối đại đoàn kết dân tộc đã về dự Đại hội. Trong không khí sôi nổi, khẩn trương và nghiêm túc, Đại hội đã nhất trí ủng hộ và thông qua đề nghị của Đảng Cộng sản Đông Dương về việc phát động cuộc tổng khởi nghĩa giành

chính quyền trên phạm vi toàn quốc và thông qua 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh. Đại hội cũng nhất trí cử ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trần Huy Liệu làm Phó Chủ tịch<sup>36</sup>. Ủy ban có nhiệm vụ chỉ huy cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền và khi điều kiện cho phép thì chuyển thành Chính phủ lâm thời, “... thay mặt quốc dân mà giao thiệp với các nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước”<sup>37</sup>. Đại hội cũng nhất trí công nhận lá cờ đỏ với ngôi sao

**Ở thời điểm trước khi quân Pháp nổ súng vào Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến xâm lược Việt Nam, ngày 1-9-1858, nước Việt Nam là một quốc gia - dân tộc thống nhất, với chủ quyền đầy đủ, toàn vẹn và với cương vực được xác định rõ ràng, được thực thi chắc chắn, không tranh chấp với bất kỳ quốc gia nào, cả ở trên đất liền, trên các vùng biển và các đảo, quần đảo, bao gồm cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông và các đảo Phú Quốc, Thổ Châu (Chu) - cực Tây Nam của Tổ quốc.**

vàng năm cánh ở giữa của Việt Minh sẽ trở thành Quốc kỳ và bài hát *Tiến quân ca* do Văn Cao sáng tác sẽ trở thành Quốc ca của nước Việt Nam sau khi giành được độc lập. Ngày 17-8-1945, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam chính thức ra mắt và tuyên thệ trước Quốc dân Đại hội, thể hiện quyết lãnh đạo nhân dân cả nước đấu tranh đến cùng để giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc.

Như vậy, tại Quốc dân Đại hội Tân Trào, những vấn đề tối quan trọng mở đường cho việc kiến lập chế độ cộng hòa dân chủ của một quốc gia Việt Nam độc lập, thống nhất, có chủ quyền toàn vẹn, đã được quyết định theo đúng nghĩa thực và thông lệ chính trị quốc tế.

Trong thời gian từ tháng 9-1939 đến ngày 9-3-1945, bên cạnh các tổ chức và phong trào do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo thì trong nước còn có những hoạt động của các tổ chức và lực lượng khác với đường hướng chính trị khác nhau. Ngoài Phục Quốc, Cao Đài, cho đến trước ngày 9-3-1945 chỉ xuất hiện thêm đạo Hòa Hảo - một giáo phái mới ở Nam Kỳ, Việt Nam Thanh niên Ái quốc đoàn do Vũ Đinh Dỵ đứng đầu và Đại Việt Phục hưng hội do Ngô Đinh Diệm lãnh đạo<sup>38</sup>. Tất cả những tổ chức này đều có lực lượng không đáng kể và ảnh hưởng trong quần chúng nhân dân cũng yếu ớt.

Sau khi quân đội Nhật Bản lật đổ chính quyền thực dân Pháp bằng cuộc đảo chính vũ trang ngày 9-3-1945 thì tình hình hoàn toàn thay đổi. Hàng chục tổ chức chính trị và phong trào thân Nhật hình thành và phát triển rầm rộ. Đáng chú ý là hầu hết các tổ chức và phong trào này đều có tên gọi gắn với hai từ “Đại Việt”, như: Đại Việt Dân chính Đảng<sup>39</sup>, Đại Việt Quốc gia Xã hội Đảng<sup>40</sup>, Đại Việt Quốc dân Đảng<sup>41</sup>, Đại Việt Quốc gia Liên minh<sup>42</sup>, Đại Việt Duy tân Đảng v.v..<sup>43</sup> Ở Bắc Kỳ, ngay ngày 12-3-1945, Tổng hội Quốc gia Đại Việt ở Bắc Kỳ<sup>44</sup> đã phát đi bản Thông báo, trong đó bày tỏ lòng biết ơn quân đội Nhật đã đánh đổ chính phủ thực dân Pháp, và “lập cơ sở cho Đế quốc Việt Nam độc lập”; đồng thời tổ chức này kêu gọi: “Chúng tôi xin dân tộc Việt Nam tin tưởng rằng sẽ tận lực để kiến thiết Vùng thịnh vượng chung của Đại Đông Á, hợp tác chặt chẽ với Đế quốc Nhật”<sup>45</sup>. Ngày 14-3-1945, Tổng hội này đã tổ chức một cuộc mít tinh của 4.000 người tham

gia ở Vinh (Nghệ An) để “tỏ lòng cảm ơn quân đội Nhật và mừng cuộc độc lập của Đế quốc Việt Nam”<sup>46</sup>. Đặc biệt ở Nam Kỳ, ngày 18-3-1945, các lực lượng thân Nhật như: Cao Đài, Phục Quốc, Hòa Hảo, Việt Nam Quốc gia Độc lập đang và nhóm Tân Á đã tổ chức một cuộc mít tinh không lồ với sự tham gia của khoảng trên 50.000 người<sup>47</sup>.

Có thể thấy, trong những ngày đầu sau cuộc đảo chính ngày 9-3-1945, các đảng phái thân Nhật đã khá thành công trong việc lợi dụng tình thần yêu nước của nhân dân, khởi xướng được một phong trào yêu nước - thân Nhật rầm rộ khắp cả ba kỳ. Họ công khai tuyên truyền cho chiến lược dựa vào quân Nhật, dựng nên một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, nhưng nằm trong “Khối Đại Đông Á thịnh vượng chung”. Tuy nhiên, ngay sau cuộc đảo chính, quân đội Nhật đã kiên quyết vứt bỏ quân bài Cường Đế, Phục Quốc và các lực lượng thân Nhật khác mà lại chọn duy trì ngôi vị hoàng đế của Bảo Đại, đưa Trần Trọng Kim về nước lập ra Nội các mới<sup>48</sup>. Cấu trúc quyền lực do thực dân Pháp lập ra vẫn tiếp tục được người Nhật duy trì nguyên vẹn từ Trung ương xuống địa phương. Đặc biệt, người Nhật vẫn duy trì chế độ trực trị ở Nam Kỳ và các thành phố nhượng địa (Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng). Điều này đã làm cho ảnh hưởng của các tổ chức thân Nhật bị suy giảm nghiêm trọng. Chính bản thân các thủ lĩnh của họ cũng tố rõ sự thất vọng sâu sắc.

Ngày 11-3-1945, được quân Nhật cho phép và khuyến khích, Hoàng đế Bảo Đại đã tuyên bố “độc lập của Việt Nam”: “Chính phủ Việt Nam nay tuyên bố chủ quyền “Đế quốc Việt Nam”<sup>50</sup>. Đồng thời, Hoàng đế Bảo Đại cũng ban *Dụ số* 108 bổ nhiệm Nguyễn Văn Sâm làm Khâm sai Nam Bộ<sup>51</sup>.

bản tuyên cáo chung của nước Đại Đông Á. Đế quốc Việt Nam tuyên bố ý muốn cộng tác tận tâm lực với Đế quốc Nhật, và tin tưởng ở lòng chân thành của nước Nhật để thực hiện những mục đích nói trên”<sup>49</sup>. Cũng theo sự gợi ý của người Nhật, Bảo Đại đã mời Trần Trọng Kim đứng ra lập Nội các mới. Ngày 17-4-1945, Nội các tuyên bố chính thức thành lập. Tuyên ngôn của Bảo Đại cũng như bản Tuyên cáo của Nội các đều cho thấy: nước Việt Nam mới là “Đế quốc Việt Nam”. Tuy vậy, danh xưng này không phản ánh ý đồ của Hoàng đế Bảo Đại hay Nội các Trần Trọng Kim muốn phục hồi Đế chế Đại Nam hay tư duy đế chế của triều Nguyễn trước tháng 9-1858, mà thực chất là phản ánh ánh hưởng của phái xít Nhật Bản trong tư duy về “đế quốc” và về Khối Đại Đông Á thịnh vượng chung.

Ngay sau cuộc đảo chính, quân Nhật đã đặt Nam Kỳ dưới chế độ trực trị và Fujio Minoda được bổ nhiệm làm Thống đốc Nam Kỳ. Việc thương thảo để sáp nhập Nam Kỳ vào Đế quốc Việt Nam đã diễn ra căng thẳng và phức tạp. Đầu tháng 8-1945, Trần Trọng Kim lại ra Hà Nội trực tiếp thương thảo với Tsushihashi. Cuối cùng, ngày 7-8-1945, tướng Yuichi Tsushihashi đã đồng ý sáp nhập Nam Bộ vào Đế quốc Việt Nam.

Ngày 14-8-1945, Hoàng đế Bảo Đại ban *Chiếu* tuyên bố: hủy bỏ hết những hiệp ước bất bình đẳng mà nước Pháp đã ép nước Việt Nam ký ngày 6-6-1862 và ngày 15-3-1874; toàn bộ xứ Nam Kỳ lại thuộc chủ quyền “Đế quốc Việt Nam”<sup>50</sup>. Đồng thời, Hoàng đế Bảo Đại cũng ban *Dụ số* 108 bổ nhiệm Nguyễn Văn Sâm làm Khâm sai Nam Bộ<sup>51</sup>.

Nhưng đó cũng chính là lúc Nhật Bản bị buộc phải tuyên bố đầu hàng Đồng minh, và như thế, nguy cơ to lớn lại ập tới: đó là cuộc xâm lăng, tái chiếm thuộc địa của quân Pháp nấp bóng quân Đồng minh. Ngay lập tức, các đảng phái

ở Nam Bộ đã tuyên bố thống nhất hành động. Trước tiên là hai giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo tuyên bố hợp tác, hỗ trợ nhau chặt chẽ vào ngày 14-8-1945<sup>52</sup>. Cùng trong ngày hôm đó, Việt Nam Quốc gia độc lập đăng, Thanh niên Tiền phong, Nhóm trí thức, Liên đoàn Công chức, Tịnh độ cư sĩ, Phật giáo Hòa Hảo và đạo Cao Đài,... đã quyết định hợp nhất với nhau thành một “Mặt trận Quốc gia thống nhất”. Mặt trận Quốc gia thống nhất kêu gọi toàn thể dân chúng tham gia vào cuộc biếu tình vào ngày 21-8-1945 để biếu thi ý chí của mình. Hướng ứng lời kêu gọi đó, hơn 200.000 người đã tham gia cuộc biếu tình ở Sài Gòn.

Ý chí đấu tranh vì độc lập, tự do, thống nhất đất nước của nhân dân cũng dội đến cà kinh thành Huế. Ngày 17-8-1945, Hoàng đế Bảo Đại tuyên *Chiếu*, “Sẵn sàng hy sinh vì mọi phương diện”, và “Trẫm để hạnh phúc của dân Việt Nam lên trên ngai vàng của Trẫm. Trẫm ưng làm dân một nước độc lập hon làm vua một nước nô lệ”<sup>53</sup>. Ngày hôm sau, Bảo Đại còn gửi thư cho tướng Charles de Gaulle, Tổng thống Pháp, cảnh cáo nghiêm khắc ông ta về âm mưu tái lập chế độ thực dân ở Việt Nam: “Nếu vạn nhứt các ngài có lấy lại được quyền cai trị xứ này thì quyền đó cũng không ai tùng phục nữa. Mỗi làng sẽ trở nên một sào huyệt phản kháng, mỗi một người cộng tác cũ sẽ trở nên một kẻ cùu địch và bọn quan lại và thực dân của các ngài cũng phải tự xin lui không thể nào ở được trong bầu không khí chét ngạt ấy”<sup>54</sup>. Hoàng đế cũng gửi một bức thư cho Tổng thống Mỹ yêu cầu công nhận độc lập, chủ quyền của Việt Nam và ngăn chặn cuộc tái chiếm thuộc địa của nước Pháp<sup>55</sup>.

Điểm yếu chí tử của Hoàng đế Bảo Đại, Nội các Trần Trọng Kim và tất cả các tổ chức và lực lượng thân Nhật lúc đó là họ đã lựa chọn hợp tác với phái xít Nhật, luôn tuyên bố trung thành với “nước Đại Nhật Bản”. Vì thế, khi nước Nhật bại trận và phải

đầu hàng Đồng minh, họ mặc nhiên bị coi là đứng chung hàng ngũ với phe Trục phát xít, có thể bị trừng phạt như tội phạm chiến tranh. Mọi quyền lực và thành tựu mà họ nhận được từ tay phát xít Nhật Bản sẽ bị phủ quyết và tước bỏ. Để có thể sống còn và tránh bị trừng phạt, lựa chọn duy nhất lúc đó của họ là từ chức, giải thể và đứng về phía Mặt trận Việt Minh - lực lượng duy nhất được đồng đảo nhân dân ủng hộ, lại dã “gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát xít mấy năm nay”<sup>56</sup>.

Ngày 22-8-1945, Hoàng đế Bảo Đại đã yêu cầu Ngụy tiền văn phòng Đồng lý gửi đi một bức điện văn thông báo cho các Bộ và các địa phương, rằng trước những chuyển biến của tình hình, ông đã đồng ý cho Nội các lâm thời giải chức và “giao cho các thủ lãnh đảng Việt Minh là đảng đã phản đầu cho quyền lợi dân chúng trách nhiệm liên lạc với các đảng phái khác để lập ngay nội các mới”<sup>57</sup>. Ngày hôm sau, Nội các Trần Trọng Kim chấm dứt hoàn toàn mọi hoạt động. Bảo Đại cũng ban Chiếu chính thức thoái vị.

Ngày 24-8-1945, ở Sài Gòn, Mặt trận Quốc gia thống nhất cũng ra thông báo: “Sau một cuộc thương thuyết giữa Mặt trận Quốc gia thống nhất và Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh), hai bên đã thỏa thuận hiệp tác cùng nhau. Ba khâu hiệu sau này: “1) Việt Nam hoàn toàn độc lập; 2) Dưới chánh thể dân chủ cộng hòa; 3) Chánh quyền về Việt Minh” được Mặt trận Quốc gia Thống nhất nhận và “Mặt trận Quốc gia Thống nhất tuyên bố sáp nhập vào Việt Nam Độc lập Đồng minh”<sup>58</sup>.

Đây cũng chính là thời gian toàn thể dân tộc Việt Nam đáp lời kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc quyết liệt vùng lên dưới ngọn cờ đại nghĩa dân tộc của Mặt trận Việt Minh ‘đem sức ta mà giải phóng cho ta’. Từ ngày 13 đến ngày 30-8-1945, lực lượng cách mạng đã giành được chính quyền ở hầu hết các tỉnh và thành phố một cách nhanh gọn, ít đổ máu. Ngày 30-8-1945, Hoàng đế Bảo Đại chính thức trao

ân và kiêm cho đại diện Việt Minh. Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - một nhà nước độc lập, với cương vực, chủ quyền được xác lập trên thực tế với những căn cứ pháp lý quốc tế vững chắc. Sự thống nhất dân tộc và thống nhất lãnh thổ cũng được xác lập trên cơ sở thù tiêu các hiệp ước đã ký với nước Pháp, và được “giành lại từ tay Nhật”.

### 3. Kết luận

Hành trình lịch sử lâu dài và phức tạp để khôi phục và xác lập cương vực, chủ quyền quốc gia, sự thống nhất đất nước của dân tộc Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1945 là một quá trình phức tạp, đan xen nhiều xu hướng, nhiều yếu tố, cần phải được giải mã một cách thực chứng với cách tiếp cận toàn diện, toàn bộ và đa chiều, khách quan.

*Thứ nhất*, đó là quá trình nhân dân Việt Nam kế thừa và tái khẳng định tinh thần dân tộc, ý thức mạnh mẽ, kiên cường đối với nền độc lập, tự do và chủ quyền thiêng liêng của mình đối với quê hương, đất nước. Đồng thời, đó cũng là quá trình các thế hệ người Việt Nam tự xem xét lại quan niệm truyền thống về quốc gia - dân tộc, tự giải thoát mình khỏi ý thức hệ để chế kiều Trung Quốc hay quan niệm để quốc kiều phát xít Nhật. Họ cũng phải tự mình kiểm chứng, tiếp thu có chọn lọc những ý kiến, quan điểm chỉ đạo từ Quốc tế Cộng sản để có thể giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa “chủ nghĩa dân tộc” và “chủ nghĩa quốc tế”; giữa “quan điểm Đông Dương” và “quan điểm Việt Nam”. Sau nhiều “khúc quanh lịch sử”, cuối cùng toàn thể dân tộc Việt Nam đã đứng dưới ngọn cờ đại nghĩa của Việt Minh, cùng chung sức đấu tranh cho sự thành lập một nước Việt Nam thực sự độc lập, tự do và thống nhất.

*Thứ hai*, trên hành trình đó, mỗi thế hệ người Việt Nam, mỗi nhóm, lực lượng và đảng phái lại có

những đóng góp riêng vào sự nghiệp theo cách của riêng mình. Nếu tạm gạt bỏ sang một bên những khác biệt về chiến lược, sách lược cụ thể thì dòng chảy chính cuốn hút, quy tụ được sức mạnh của toàn dân tộc chính là ý chí, khát vọng và niềm tin đổi mới tiên đồ của một quốc gia Việt Nam độc lập, tự do, có chủ quyền đầy đủ và thống nhất. Đó chính là “ý túc cốt lõi” và chính là đại nghĩa dân tộc.

*Thứ ba*, với cách tiếp cận toàn diện, toàn bộ, đa chiều và liên ngành như thế, chúng ta ngày càng nhận thức dày dì hơn, rõ ràng hơn về bản chất, tầm vóc và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Tháng Tám - với tính cách là nỗ lực chung của toàn thể dân tộc trong những thời khắc hiểm nghèo đã biết đoàn kết, chung sức để xác lập được cương vực, chủ quyền quốc gia, khôi phục được nền thống nhất đất nước và hồi sinh dân tộc trên một tầm cao mới. Đồng thời, càng thấy rõ hơn ý nghĩa và tầm quan trọng của sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại. Để đi đến chỗ khẳng định được đường lối chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn, Đảng phải trải qua nhiều thử thách khốc liệt, bao gồm cả việc kiềm chế nhận thức lý luận và sự phù hợp của đường lối với thực tiễn cách mạng Việt Nam, và với việc hoàn chỉnh nhận thức lý luận về vấn đề dân tộc vào đúng thời khắc bước ngoặt lịch sử, Đảng đã dù sức giương lên ngọn cờ đại nghĩa dân tộc, quy tụ những nguồn sức mạnh, những phong trào và xu hướng khác nhau để hội tụ thành xung lực hồi sinh mạnh mẽ của toàn dân tộc, làm nên thắng lợi trọn vẹn của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Phạm Hồng Tung: *Văn hóa chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hóa chính trị*, Nxb CTQG, H, 2021, tr. 525-540

3, 4, 5. Phan Bội Châu: *Toàn tập*, Nxb Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, H, 2001, T. 2, tr. 179, 188, 179

6. Xem: Phạm Hồng Tung: “Hoạt động và vai trò lịch sử của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam từ sau khởi nghĩa Yên Bái đến trước Thế chiến II”, *Tạp chí Khoa học*, số 3, 2004, tr. 65-77

7. Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập tại Hà Nội ngày 17-6-1929

8. An Nam Cộng sản Đảng được thành lập vào cuối tháng 11-1929 tại Sài Gòn, Nam Kỳ

9. Hội nghị thành lập Đông Dương Cộng sản Liên đoàn diễn ra ở bến đò Trai, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

10, 11, 12, 13, 14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2000, T. 2, tr. 1, 2, 112-113, 111, 112

15, 16, 17. Phạm Quỳnh: “Bức thư ngỏ trình quan Thuộc địa Tổng trưởng”, in trong: *Nam Phong*, số 166, tháng 10-1931, tr. 225, 225, 229

18, 48. Xem: Phạm Hồng Tung: *Nội các Trần Trọng Kim: bản chất, vai trò và vị trí lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia, H, 2014, tr. 285-305, 302-303

19. Tùng Lâm: *Cuộc đời cách mạng Cường Đé*, Tôn Thất Lễ, Sài Gòn, 1957, tr. 130-131. Thực tế, ngay từ tháng 11-1937 Cường Đé đã đến Hongkong gửi thư triệu tập Vũ Hải Thủ (Nguyễn Hải Thủ), Đặng Sư Mặc, Hoàng Nam Hùng, Trần Trung Lập v.v.. để bàn việc lập tổ chức mới, nhưng khi đó có gắng này của ông không thành công

20, 21. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 6, tr. 756, 536

22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 37. *Sđd*, T. 7, tr. 119, 111-115, 111, 113, 113, 114, 122, 122, 122-123, 150, 560-561

33, 35. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, H, 1977, tr. 204, 202-203

34. Xem: Viện Sử học: *Hồi ký Trần Huy Liệu*, Phạm Như Thom sưu tầm, tuyển chọn, chỉnh lý, Nxb KHXH, H, 1991, tr. 234-238

36. Ngoài ra, Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam còn có 13 ủy viên khác là: Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Chu Văn Tân, Nguyễn Văn Xuân, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Hữu Đang. Ban Thường trực của Ủy ban này gồm có 5 người là: Hồ Chí Minh, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền và Nguyễn Lương Bằng. Theo: Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Cách mạng Tháng Tám*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 181

38. *Đại Việt Phục hưng Hội* được thành lập khoảng đầu năm 1942, do Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Nhu lãnh đạo, thành phần tham gia chủ yếu là các quan lại, thân hào, chủ trương ủng hộ Cường Đài, dựa vào Nhật để chống Pháp. Hội chủ yếu hoạt động ở Trung Kỳ, bị thực dân Pháp đàn áp vào đầu năm 1944. Ngô Đình Diệm được hiến binh Nhật giải cứu rồi đưa vào trú ẩn trong doanh trại của họ ở Sài Gòn

39. *Đại Việt Dân chính Đảng* được cho là thành lập từ năm 1938, với một tên khác. Sau ngày 9-3-1945, đảng mới ra hoạt động với tên gọi như trên. Thủ lĩnh của đảng là anh em nhà văn nổi tiếng Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) và Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo). Tham gia đảng còn có danh họa Nguyễn Gia Trí, nhà văn nổi tiếng Khái Hưng. Sau này Đại Việt Dân chính Đảng sáp nhập vào Việt Nam Quốc dân Đảng

40. *Đại Việt Quốc gia Xã hội Đảng* được cho là thành lập trước ngày 9-3-1945, do Nguyễn Xuân Tiếu và Trần Trọng Kim lãnh đạo. Thông tin về tổ chức này rất ít và chưa được kiểm chứng

41. *Đại Việt Quốc dân đảng* thành lập ở Hà Nội, do Trương Tử Anh lãnh đạo, có xu hướng theo chủ nghĩa sinh tồn

42. Đây là một liên minh các tổ chức có cùng xu hướng thân Nhật, như Đại Việt Quốc gia Xã hội đảng, Đại Việt Dân chính đảng, Đại Việt Duy tân đảng, do Nguyễn Xuân Tiếu lãnh đạo

43. Danh xưng “Đại Việt” từng là quốc hiệu của Việt Nam dưới các triều đại Lý, Trần, và triều Lê. Việc các tổ chức thân Nhật khi đó tái sử dụng danh xưng này cho thấy một mặt hình dung của họ về bản thể dân tộc Việt Nam là

không gắn gì với thực thể “Đông Dương” do người Pháp lập ra, cũng không gắn gì với những danh xưng “An Nam”, hay “Đại Nam” của triều Nguyễn vốn đã bị coi là bù nhìn, tay sai của người Pháp. Tên gọi “Đại Việt”, mặt khác, cũng giúp cho người Việt Nam khi đó liên tưởng đến quá khứ huy hoàng với nhiều võ công hiển hách chống ngai xâm. Nhưng có lẽ ở thời điểm đó, việc hồi sinh danh xưng “Đại Việt” của các đảng phái thân Nhật cũng bộc lộ ánh hưởng từ “Đại Đông Á” của “Đại Nhật Bản” - một cách nhận diện lập trường thân phát xít Nhật của những thủ lĩnh của các tổ chức này

44, 45. Bản thông báo của tổ chức này cho biết đây là “tổ chức hợp nhứt tất cả các đảng quốc gia quan trọng ở Bắc Kỳ”. Báo *Sài Gòn*, số 16876, ngày 14-3-1945

46. Báo *Sài Gòn*, số 16879, ngày 17-3-1945

47. “Trên hai trăm tấm băng dù các đoàn thể, đề tên các đoàn thể của mình và những khẩu hiệu: “Đại Đông Á vạn tuế!”, “Đại Nhựt Bồn toàn thắng!”, “Tân Việt Nam độc lập!”. Báo *Sài Gòn*, Số 16880, ngày 19-3-1945

49. Báo *Sài Gòn*, số 16875, ngày 13-3-1945. Văn bản tuyên bố của Báo Đại có nhiều phiên bản dẫn từ những nguồn khác nhau với những sự khác biệt nhỏ về diễn ngôn. Ở đây chúng tôi dẫn nguồn từ tờ báo đương thời công bố sớm nhất nội dung tuyên bố của Báo Đại. Xem thêm: Phạm Cao Dương; *Triều kỉ bão lụt tràn tới: Báo Đại - Trần Trọng Kim và Đế quốc Việt Nam, 9-3-1945 – 30-8-1945*, Truyền Thông Việt, 2017, tr. 537-538

50. Dẫn theo: Báo *Sài Gòn*, số 17008, ngày 17-8-1945

51. Dẫn theo: Báo *Sài Gòn*, số 17008, ngày 17-8-1945.

Xem thêm: *Hưng Việt*, số 15, ngày 17-8-1945

52. Xem: Báo *Sài Gòn*, số 17006, ngày 15-8-1945

53. Dẫn theo: Trần Trọng Kim: *Một con gió bụi*, Nxb Vĩnh Sơn, 1969, tr. 195-196. Xem thêm: *Hưng Việt*, số 18, ngày 21-8-1945

54. *Hưng Việt*, số 20, ngày 23-8-1945

55. Xem: *Hưng Việt*, số 19, ngày 22-8-1945

56. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T.4, tr.3

57. Dẫn theo: Báo *Sài Gòn*, số 17014, ngày 24-8-1945

58. *Hưng Việt*, số 21, ngày 24-8-1945.